

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 50/TTr-STC ngày 16/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, với số tiền 248.195 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền 138.377 triệu đồng. *(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)*

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, số tiền 109.818 triệu đồng. *(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)*

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 được giao tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và truyền thông, Trưởng ban Ban Dân tộc, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Hội: LH Phụ nữ, Nông dân tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG
ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
	TỔNG SỐ	138.377	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5.442	
1	Huyện An Lão	1.465	
2	Huyện Vĩnh Thạnh	2.653	
3	Huyện Vân Canh	454	
4	Huyện Hoài Ân	577	
5	Huyện Tây Sơn	293	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	65.416	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	52.333	
	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	52.333	(1)
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	13.083	
	* Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	10.466	
	Huyện An Lão	3.811	
	Huyện Vĩnh Thạnh	2.554	
	Huyện Vân Canh	2.290	
	Huyện Hoài Ân	1.270	
	Huyện Tây Sơn	541	
	* Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	2.617	
	Ban Dân tộc tỉnh (25%)	654	
	Sở Công Thương (20%)	523	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (5%)	131	
	Tỉnh đoàn (5%)	131	
	Hội Nông dân (5%)	131	
	Huyện An Lão	381	
	Huyện Vĩnh Thạnh	256	
	Huyện Vân Canh	229	
	Huyện Hoài Ân	127	
	Huyện Tây Sơn	54	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	7.247	

STT	Danh mục dự án	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	7.247	
1	<i>Huyện An Lão</i>	2.601	
	Xã An Trung	321	
	Xã An Hưng	320	
	Xã An Dũng	323	
	Xã An Vinh	322	
	Xã An Quang	319	
	Xã An Nghĩa	320	
	Xã An Toàn	325	
	Thị trấn An Lão	298	
	Xã An Tân (Thôn Gò Đồn)	53	
2	<i>Huyện Vĩnh Thạnh</i>	1.809	
	Xã Vĩnh Sơn	306	
	Xã Vĩnh Kim	311	
	Xã Vĩnh Hiệp	306	
	Xã Vĩnh Hòa	312	
	Xã Vĩnh Thuận	308	
	Thị trấn Vĩnh Thạnh (Khu phố Kon Kring và Khu phố Klot Pok)	106	
	Xã Vĩnh Thịnh (Thôn M2 và thôn M3)	106	
	Xã Vĩnh Hảo (Thôn Tà Điệt)	54	
3	<i>Huyện Vân Canh</i>	1.568	
	Xã Canh Liên	321	
	Xã Canh Thuận	312	
	Xã Canh Hòa	322	
	Xã Canh Hiệp	321	
	Thị trấn Vân Canh	292	
4	<i>Huyện Hoài Ân</i>	893	
	Xã Đăk Mang	297	
	Xã Bók Tới	296	
	Xã Ân Sơn	300	
5	<i>Huyện Tây Sơn</i>	376	
	Xã Vĩnh An	323	
	Xã Tây Xuân (Thôn Đồng Sim)	53	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	17.112	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	3.422	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.422	

STT	Danh mục dự án	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
2	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	2.738	
2.1	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	2.190	
	Ban Dân tộc	2.190	
2.2	Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	548	
	UBND huyện An Lão	548	(2)
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	6.845	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (60%)	4.107	
	Huyện An Lão	884	
	Huyện Vĩnh Thạnh	516	
	Huyện Vân Canh	1.161	
	Huyện Hoài Ân		
	Huyện Tây Sơn	177	
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	4.107	
	Ban Dân tộc tỉnh	4.107	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	4.796	
	Sở Văn hóa và Thể thao (25%)	1.199	
	Sở Du lịch (5%)	240	
	Huyện An Lão	1.455	
	Huyện Vĩnh Thạnh	520	
	Huyện Vân Canh	1.041	
	Huyện Hoài Ân		
	Huyện Tây Sơn	341	
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	2.590	
	Sở Y tế (50% vốn SN)	1.295	
	Huyện An Lão	471	
	Huyện Vĩnh Thạnh	294	
	Huyện Vân Canh	294	
	Huyện Hoài Ân	177	
	Huyện Tây Sơn	59	
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	6.635	
	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh (30% vốn SN)	1.991	
	Huyện An Lão	1.628	
	Huyện Vĩnh Thạnh	1.191	
	Huyện Vân Canh	992	
	Huyện Hoài Ân	595	

STT	Danh mục dự án	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
	Huyện Tây Sơn	238	
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	25.175	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	22.753	
	Huyện An Lão	6.736	
	Huyện Vĩnh Thạnh	5.603	
	Huyện Vân Canh	7.289	
	Huyện Hoài Ân	2.255	
	Huyện Tây Sơn	870	
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	2.422	
	Ban Dân tộc tỉnh (30%)	727	
	Huyện An Lão	617	
	Huyện Vĩnh Thạnh	385	
	Huyện Vân Canh	385	
	Huyện Hoài Ân	231	
	Huyện Tây Sơn	77	
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	3.964	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030	2.052	
	Ban Dân tộc tỉnh (35%)	717	
	Sở Tư pháp (5%)	103	
	Sở Thông tin và Truyền thông (5%)	103	
	Huyện An Lão	410	
	Huyện Vĩnh Thạnh	257	
	Huyện Vân Canh	257	
	Huyện Hoài Ân	154	
	Huyện Tây Sơn	51	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	880	
	Ban Dân tộc tỉnh (20% vốn SN)	176	
	Liên minh HTX tỉnh (15% vốn SN)	132	
	Sở Thông tin và Truyền thông (15% vốn SN)	132	
	Huyện An Lão	159	
	Huyện Vĩnh Thạnh	101	
	Huyện Vân Canh	100	
	Huyện Hoài Ân	60	

STT	Danh mục dự án	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
	Huyện Tây Sơn	20	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.032	
	Ban Dân tộc tỉnh (26%)	268	
	Sở NN&PTNT (3%)	31	
	Sở Giáo dục và Đào tạo (3%)	31	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (3%)	31	
	Sở Văn hoá và Thể thao (3%)	31	
	Sở Y tế (3%)	31	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư (3%)	31	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (3%)	31	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (4%)	41	
	Sở Tài chính (2%)	21	
	Sở Tư pháp (2%)	21	
	Sở Công Thương (2%)	21	
	Hội Nông dân tỉnh (1,5%)	15	
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (1,5%)	15	
	Huyện An Lão	150	
	Huyện Vĩnh Thạnh	94	
	Huyện Vân Canh	94	
	Huyện Hoài Ân	56	
	Huyện Tây Sơn	19	

Ghi chú

- (1) Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện trình UBND tỉnh Quyết định phân bổ chi tiết để thực hiện.
- (2) UBND huyện An Lão phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện theo quy định.

PHỤ LỤC 02

PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	CHƯƠNG TRÌNH	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
	Tổng cộng	109.818	
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Huyện An Lão)	9.809	
	Huyện An Lão	9.809	
	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH huyện nghèo	3.917	
	TDA 2. Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	5.892	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	31.226	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.650	
	Thành phố Quy Nhơn	2.136	
	Huyện Tuy Phước	2.188	
	Thị xã An Nhơn	2.188	
	Huyện Phù Cát	2.698	
	Huyện Phù Mỹ	2.473	
	Thị xã Hoài Nhơn	2.473	
	Huyện Hoài Ân	2.586	
	Huyện Tây Sơn	2.586	
	Huyện Vân Canh	2.076	
	Huyện Vĩnh Thạnh	2.249	
	Huyện An Lão	2.923	
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	18.070	
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	13.772	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	13.772	
	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	4.298	
	Sở Y tế	4.298	
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	35.127	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	27.172	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.434	
	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ QN	2.088	
	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	2.035	
	Thành phố Quy Nhơn	953	
	Huyện Tuy Phước	2.987	
	<i>Trong đó: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuy Phước</i>	<i>2.034</i>	
	Thị xã An Nhơn	953	
	Huyện Phù Cát	1.039	
	Huyện Phù Mỹ	1.005	
	Thị xã Hoài Nhơn	1.005	
	Huyện Hoài Ân	3.378	
	<i>Trong đó: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hoài Ân</i>	<i>2.356</i>	
	Huyện Tây Sơn	1.022	
	Huyện Vân Canh	935	
	Huyện Vĩnh Thạnh	970	
	Huyện An Lão	3.368	
	<i>Trong đó: Trung tâm GDNN-GDTX huyện An Lão</i>	<i>2.356</i>	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	730	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	131	
	Huyện An Lão	599	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	7.225	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7.225	
5	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	3.640	
	Huyện An Lão	3.640	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	4.438	
a)	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	2.260	
	Sở Thông tin và Truyền thông	2.260	

STT	CHƯƠNG TRÌNH	NSTW bổ sung mục tiêu	Ghi chú
b)	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	2.178	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	760	
	Thành phố Quy Nhơn	116	
	Huyện Tuy Phước	119	
	Thị xã An Nhơn	119	
	Huyện Phù Cát	146	
	Huyện Phù Mỹ	134	
	Thị xã Hoài Nhơn	134	
	Huyện Hoài Ân	140	
	Huyện Tây Sơn	140	
	Huyện Vân Canh	112	
	Huyện Vĩnh Thạnh	122	
	Huyện An Lão	136	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	7.508	
a)	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	4.892	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	833	
	Sở Y tế	85	
	Sở Thông tin và Truyền thông	300	
	Thành phố Quy Nhơn	300	
	Huyện Tuy Phước	308	
	Thị xã An Nhơn	308	
	Huyện Phù Cát	378	
	Huyện Phù Mỹ	347	
	Thị xã Hoài Nhơn	347	
	Huyện Hoài Ân	364	
	Huyện Tây Sơn	364	
	Huyện Vân Canh	290	
	Huyện Vĩnh Thạnh	315	
	Huyện An Lão	353	
b)	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	2.616	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	460	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	30	
	Sở Y tế	40	
	Sở Thông tin và Truyền thông	30	
	Sở Xây dựng	30	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	
	Sở Tài chính	30	
	Thành phố Quy Nhơn	160	
	Huyện Tuy Phước	165	
	Thị xã An Nhơn	165	
	Huyện Phù Cát	202	
	Huyện Phù Mỹ	185	
	Thị xã Hoài Nhơn	185	
	Huyện Hoài Ân	195	
	Huyện Tây Sơn	195	
	Huyện Vân Canh	156	
	Huyện Vĩnh Thạnh	169	
	Huyện An Lão	189	